

**QUYẾT ĐỊNH
CÔNG NHẬN SỰ THỎA THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ**

Căn cứ vào Điều 212 và Điều 213 của Bộ luật tố tụng dân sự;

Căn cứ vào biên bản hoà giải thành ngày 18 tháng 6 năm 2020 về việc các đương sự thoả thuận được với nhau về việc giải quyết toàn bộ vụ án dân sự thụ lý số: 83/2019/TLST-DSST ngày 12 tháng 12 năm 2019.

XÉT THẤY:

Các thoả thuận của các đương sự được ghi trong biên bản hoà giải thành về việc giải quyết toàn bộ vụ án là tự nguyện; nội dung thoả thuận giữa các đương sự không vi phạm điều cấm của luật và không trái đạo đức xã hội.

Đã hết thời hạn 07 ngày, kể từ ngày lập biên bản hoà giải thành, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thoả thuận đó.

QUYẾT ĐỊNH:

1. Công nhận sự thoả thuận của các đương sự:

- *Nguyên đơn*: Ông Đỗ Văn R, sinh năm 1945; Địa chỉ: Tiểu khu 2, thị trấn C, huyện M, tỉnh Sơn La.

Người đại diện theo ủy của ông Đỗ Văn R là: Anh Đỗ Thành N, sinh năm 1972; Địa chỉ: Tiểu khu 2, thị trấn C, huyện M, tỉnh Sơn La và Chị Đỗ Thị H, sinh năm 1970; Địa chỉ: Tiểu Khu 2, thị trấn C, huyện M, tỉnh Sơn La.

- *Bị đơn*: Ông Đỗ Văn T, sinh năm 1963; Địa chỉ: Thôn B, xã Đ, huyện Đ, thành phố Hà Nội.

- *Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan*:

+ Ông Đỗ Văn C, sinh năm 1950; Địa chỉ: Thôn B, xã Đ, huyện Đ, thành phố Hà Nội.

+ Bà Đỗ Thị S, sinh năm 1955; Địa chỉ: Thôn B, xã Đ, huyện Đ, thành phố Hà Nội.

+ Bà Đỗ Thị T, sinh năm 1958; Địa chỉ: Đội 3, xã L, huyện P, Thành phố Hà Nội.

+ Chị Bùi Thị V, sinh năm 1959; Địa chỉ: Đội 5, Thôn B, xã Đ, huyện Đan Phượng, thành phố Hà Nội.

+ Chị Nguyễn Thị Thùy L, sinh năm 1992; Địa chỉ: Thôn V, xã T, huyện

Đan Phượng, Thành phố Hà Nội.

+ Anh Nguyễn Hữu M, sinh năm 1968; Địa chỉ: Đội 5, Thôn B, xã Đ, huyện Đan Phượng, thành phố Hà Nội.

+ Anh Nguyễn Hữu D, sinh năm 1971; Địa chỉ: Đội 5, Thôn B, xã Đ, huyện Đan Phượng, thành phố Hà Nội.

+ Chị Nguyễn Thị Đ, sinh năm 1974; Địa chỉ: Đội 5, Thôn B, xã Đ, huyện Đan Phượng, thành phố Hà Nội.

+ Anh Nguyễn Hữu Đ, sinh năm 1982; Địa chỉ: Đội 5, Thôn B, xã Đ, huyện Đan Phượng, thành phố Hà Nội.

+ Bà Nguyễn Thị T, sinh năm 1974; Đội 5, Thôn B, xã Đ, huyện Đan Phượng, thành phố Hà Nội.

+ Cháu Đỗ Văn P, sinh năm 2010; Địa chỉ: Đội 5, Thôn B, xã Đ, huyện Đan Phượng, thành phố Hà Nội.

2. Sự thoả thuận của các đương sự cụ thể như sau:

Các đương sự xác định di sản của của cụ Đỗ Văn G và cụ Nguyễn Thị C là: Diện $264m^2$ đất ở lâu dài tại thửa 238, tờ bản đồ số 6 tại thôn B, xã Đ, huyện Đan Phượng, Thành phố Hà Nội (Theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất được Ủy ban nhân dân huyện Đan Phượng cấp ngày 13/3/1998 mang tên ông Đỗ Văn G); diện tích đất đo thực tế tại biên bản xem xét, thẩm định tại chỗ ngày 09/6/2020 là $239.5m^2$ đất tại thôn B, xã Đ, huyện Đan Phượng, Thành phố Hà Nội. Các đương sự thống nhất thỏa thuận như sau:

2.1. Ông Đỗ Văn R được quyền sử dụng diện tích $85.7m^2$ đất có các cạnh như sau:

- Cạnh đất phía Đông giáp đất ông Nguyễn Tiến T có chiều dài 16.10 m (3.96 m + 12.14 m);
- Cạnh đất phía Tây giáp đất ông Đỗ Văn T có chiều dài 15.18m;
- Cạnh đất phía Nam giáp đất bà Lê Thị H có chiều dài 5.50m;
- Cạnh đất phía Bắc giáp đường có chiều dài 5.50m.

2.2. Ông Đỗ Văn T được quyền sử dụng diện tích $153.8m^2$ đất có các cạnh như sau:

- Cạnh đất phía Đông giáp đất ông Đỗ Văn R có chiều dài 15.18 m;
- Cạnh đất phía Tây giáp đất ông Đỗ Văn T có chiều dài 13.34 m;
- Cạnh đất phía Nam giáp đất bà Lê Thị H có chiều dài 11.31m;
- Cạnh đất phía Bắc giáp đường có chiều dài 10.36m.

(Có sơ đồ kèm theo)

2.3. Ông Đỗ Văn T và bà Nguyễn Thị T có trách nhiệm tháo dỡ và di chuyển toàn bộ tài sản trên phần đất ông Đỗ Văn R được hưởng.

2.4. Về án phí: Các đương sự phải chịu 50% án phí dân sự sơ thẩm theo mức tương ứng với giá trị phần tài sản được hưởng trong khối di sản thừa kế là $239.5\text{m}^2 \times 10.000.000 \text{ đồng}/1\text{m}^2$, cụ thể:

- Ông Đỗ Văn T phải chịu 29.070.000 đồng (*Hai mươi chín triệu, không trăm bảy mươi nghìn đồng*) án phí dân sự sơ thẩm.

- Ông Đỗ Văn R được miễn nộp tiền án phí dân sự sơ thẩm do thuộc trường hợp người cao tuổi.

3. Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

4. Quyết định này được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- Đương sự;
- VKSND huyện Đan Phượng;
- Chi cục THADS huyện Đan Phượng;
- Lưu hồ sơ.

THẨM PHÁN

Trần Duy Hưng